

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ

Số: 764 /QĐ-UBND

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Trị, ngày 04 tháng 4 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi và quy định một số chỉ tiêu của Bộ tiêu chí xã nông thôn mới, xã nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021-2025

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về Ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 1738/QĐ-TTg ngày 04/7/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị về ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 1739/QĐ-TTg ngày 04/7/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị về ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 211/QĐ-TTg ngày 01 tháng 3 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi một số chỉ tiêu của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới, Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao, Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025; bổ sung tiêu chí huyện nông thôn mới đặc thù, không có đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2021 - 2025;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng UBND tỉnh và Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Văn bản số 1000/SNN-KHTC ngày 03/4/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi và quy định một số chỉ tiêu của Bộ tiêu chí xã nông thôn mới, xã nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021-2025 (Phụ lục đính kèm).

Điều 2. Nhiệm vụ của các Sở, ngành và UBND các địa phương:

1. Các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Y tế, Tư pháp, Thông tin Truyền thông, Tài nguyên và Môi trường căn cứ chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước và hướng dẫn của các bộ, ngành Trung ương và tình hình thực tế của địa phương có trách nhiệm ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện hoặc hướng

dẫn thực hiện tạm thời các chỉ tiêu được giao phụ trách trong thời gian 10 ngày kể từ ngày ban hành Quyết định này.

2. Ủy ban nhân dân các huyện, Ủy ban nhân dân các xã căn cứ vào các chỉ tiêu được sửa đổi, quy định tại quyết định này và các văn bản hướng dẫn liên quan có trách nhiệm triển khai thực hiện đảm bảo đúng quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các thành viên Ban chỉ đạo các Chương trình MTQG tỉnh Quảng Trị; Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Chánh Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã và Chủ tịch UBND các xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *kt*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Điều phối NTM TW;
- TT.Tỉnh ủy, TT.HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UBMT TQVN tỉnh;
- Các PVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT_(TTA) *kt*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hà Sỹ Đông

Phụ lục
SỬA ĐỔI VÀ QUY ĐỊNH MỘT SỐ CHỈ TIÊU CỦA BỘ TIÊU CHÍ
XÃ NÔNG THÔN MỚI, XÃ NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG TRỊ GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số **764** /QĐ-UBND ngày **04**/4/2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

I. BỘ TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI

1. Chỉ tiêu 13.1 thuộc tiêu chí số 13 về Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn:

Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Đơn vị hướng dẫn
Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn	13.1. Xã có hợp tác xã hoạt động hiệu quả và theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã, hoặc xã có tổ hợp tác hoạt động hiệu quả, theo đúng quy định của pháp luật và có hợp đồng hợp tác, tiêu thụ sản phẩm chủ lực của địa phương	Đạt	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

2. Chỉ tiêu 15.4 thuộc tiêu chí số 15 về Y tế:

Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Đơn vị hướng dẫn
Y tế	15.4. Xã triển khai thực hiện số khám chữa bệnh điện tử	Đạt	Sở Y tế

3. Chỉ tiêu 17.1 thuộc tiêu chí số 17 về Môi trường và an toàn thực phẩm:

Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu			Đơn vị hướng dẫn
		Các xã khu vực III thuộc vùng ĐBDTTS và miền núi	Các xã khu vực II thuộc vùng ĐBDTTS và MN, các xã ĐBKK vùng bãi ngang ven biển và hải đảo, xã ATK thuộc huyện nghèo	Các xã còn lại	
Môi trường và an toàn thực phẩm	17.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn	≥20%	≥30%	≥45% (≥10% từ hệ thống cấp nước tập trung- nếu có công trình)	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

4. Chỉ tiêu 18.4 thuộc tiêu chí số 18 về Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật:

Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí		Chỉ tiêu	Đơn vị hướng dẫn
Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	18.4. Tiếp cận pháp luật	a) Ban hành văn bản theo thẩm quyền để tổ chức và bảo đảm thi hành Hiến pháp và pháp luật trên địa bàn	Đạt	Sở Tư pháp
		b) Tiếp cận thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật	Đạt	
		c) Hòa giải ở cơ sở, trợ giúp pháp lý	Đạt	

II. BỘ TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO

1. Chỉ tiêu 3.2, 3.4 thuộc tiêu chí số 3 về Thủy lợi:

Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Đơn vị hướng dẫn
Thủy lợi và phòng, chống thiên tai	3.2. Tổ chức thủy lợi cơ sở (nếu có) hoạt động hiệu quả	≥ 1	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
	3.4. Tỷ lệ công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được bảo trì hàng năm	100%	

2. Chỉ tiêu 8.4 thuộc tiêu chí số 8 về Thông tin và Truyền thông:

Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Đơn vị hướng dẫn
Thông tin và Truyền thông	8.4. Có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế - xã hội	Đạt	Sở Thông tin và Truyền thông

3. Bãi bỏ chỉ tiêu 12.3. Tỷ lệ lao động làm việc trong các ngành kinh tế chủ lực trên địa bàn thuộc tiêu chí số 12 về Lao động

4. Chỉ tiêu 13.3, 13.4 thuộc tiêu chí số 13 về Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn:

Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Đơn vị hướng dẫn
Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn	13.3. Có mô hình kinh tế ứng dụng công nghệ cao, hoặc mô hình quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp (IPHM), hoặc mô hình nông nghiệp áp dụng cơ giới hóa các khâu, hoặc mô hình liên kết theo chuỗi giá	≥ 1	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Đơn vị hướng dẫn
	trị gắn với đảm bảo an toàn thực phẩm		
	13.4. Ứng dụng công nghệ số để thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã	≥1	

5. Chỉ tiêu 14.2, 14.3, 14.4 thuộc tiêu chí 14 về Y tế:

Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Đơn vị hướng dẫn
Y tế	14.2. Xã triển khai thực hiện quản lý sức khỏe điện tử	Đạt	Sở Y tế
	14.3. Xã triển khai thực hiện khám chữa bệnh từ xa	Đạt	
	14.4. Xã triển khai thực hiện tốt số khám chữa bệnh điện tử	Đạt	

6. Chỉ tiêu 1.2 thuộc tiêu chí số 15 về Hành chính công:

Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Đơn vị hướng dẫn
Hành chính công	15.2. Có dịch vụ công trực tuyến một phần	Đạt	Sở Thông tin và Truyền thông

7. Chỉ tiêu 16.1, 16.2 thuộc tiêu chí số 16 về Tiếp cận pháp luật:

Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Đơn vị hướng dẫn
Tiếp cận pháp luật	16.1. Có mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật và mô hình điển hình về hòa giải ở cơ sở	Đạt	Sở Tư pháp
	16.2. Tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải ở cơ sở được hòa giải thành	≥ 90%	

8. Chỉ tiêu thuộc tiêu chí số 17.10 thuộc tiêu chí số 17 về Môi trường:

Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Đơn vị hướng dẫn
Môi trường	17.10. Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng	Đạt (nếu có)	Sở Tài nguyên và Môi trường

9. Chỉ tiêu 18.1, 18.2, 18.3 thuộc tiêu chí số 18 về Chất lượng môi trường sống

Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Đơn vị hướng dẫn
Chất lượng môi trường sống	18.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung	$\geq 55\%$	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
	18.2. Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm	≥ 60 lít/ngày /đêm	
	18.3. Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững	$\geq 30\%$	